Quyển 35 (Kinh số 970 - 992)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

1054 KINH TẠP A-HÀM

QUYỂN 35 970. NGOẠI ĐẠO XÁ-LA-BỘ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, bên hồ Tu-ma-kiệt-đà,12 có tu sĩ ngoại đạo tên là Xá-la-bộ3 ở giữa đồ chúng của mình tuyên bố rằng: 'Tháp của Sa-môn họ Thích ta đều biết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhưng sau đó từ bỏ hết." Bấy giờ, vào sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe ngoại đạo Xá-la-bộ đang trú bên hồ Tu-ma-kiệt-đà tuyên bố giữa đồ chúng của mình: "Sa-môn họ Thích có pháp gì ta đều biết hết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhung sau đó từ bỏ hết.” Nghe những lời này rồi, các Tỳ-kheo sau khi khất thực xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa sạch chân, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay, chúng con đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe tu sĩ ngoại đạo Xá-la-bộ trú bên hồ Tu-ma-kiệt-đà, ở giữa đồ chúng của mình tuyên bố rằng: "Pháp của Sa-môn họ Thích ta đều biết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhung sau đó từ bỏ hế(" Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ mà hãy đích thân đến bên hồ Tu-ma-kiệt-đà kia. Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc xế chiều, sau giờ tọa thiền, Ngài đi đến chỗ của Xá-la-bộ cạnh hồ Tu-ma-kiệt-đà. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, liền trải tọa cụ, thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn an tọa xong, liền hỏi Xá-la-bộ: Có phải ông đã nói như vầy: "Sa-môn họ Thích có Pháp và Luật gì ta đều biết hết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhưng sau đó từ bỏ hết" chăng? Xá-la-bộ im lặng không đáp. Đức Phật bảo Xá-la-bộ: Bây giờ, ông hãy nói đi, sao lại im lặng? Nếu ông biết đầy đủ thì Ta tùy hỷ, nếu ông biết chưa đầy đủ thì Ta sẽ giúp ông được đầy đủ.

1 Tqa đề đặt theo nội dung kinh: Tạp.(r02. 0099.970. 0250al9). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 01Ỏ0.204. 0449ỒỒ28); A. 3.64 -1.185. 2 Tu-mạ-kiệt-đà (Sumāgadhā), theo DPPN, đây là tên gọi của một hồ sen gần thành Vương Xá (Rājagaha). Gan ho này có khu vườn của Hoàng hậu Udumbaiikā, trong đó xây dựng tinh xá hiến cúng cho các du sĩ khổ hạnh gọi là Paribbājakārāma. 3 x11ab0 (,Sarabhay

QUYỂN 35 1055

Xá4a-bộ vẫn im lặng như cũ. Đức Phật nói đến lần thứ hai, lần thứ ba, Xá- la-bộ vẫn cứ im lặng. Bấy giờ, Xá-la-bộ có một đệ tử Phạm hạnh thưa với Xá-la-bộ rằng: Thưa thầy! Đáng lý thầy nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm trình bày sự thấy biêt của mình, nhimg nay Sa-môn Cù-đàm đã đích thân đến đây rồi thì sao thầy lại không nói gì? Sa-môn Cù-đàm cũng đã nói với thầy rằng: “Nấu ông biết đầy đủ thì Ta tùy hỷ, nêu ông biết chưa đầy đủ thì Ta sẽ giúp ông được đầy diỉ." Vì cớ sao thầy lại im lặng mà không nói gì? Được người đệ tử Phạm hạnh khuyên như thế, nhưng Xá-la-bộ vẫn im lặng. Lúc ấy, Thế Tôn nói với Xá-la-bộ: - Khi có người nói: "Sa-môn Cù-đàm chẳng J)hải là Như Lai, ứng Cúng, Đang Chánh Giác" thì Ta khéo can ngăn, khéo chất vấn. Khi Ta khéo can ngăn, khéo chất vấn thì người kia nói lảng sang chuyện khác, hoặc phẫn nộ bực tức, ngạo mạn tráo trở,

chống đối không cam chịu, không biết cách thể hiện, hoặc cúi đầu im lặng xấu hổ, âm thầm suy xét, giống như Xá-la-bộ hôm nay vậy. Lại có người nói như vầy: "Chẳng có Sa-môn Cù-đàm5 chẳng có Giáo pháp và Giới luật?9 Khi Ta khéo can ngăn, khéo chất vấn thì người kia cũng đứng lặng yên, như ông hôm nay vậy. Lại có người nói: "Đệ tử Sa-môn Cù-đàm chẳng có ai hướng về nẻo lành" Ta bèn khéo can ngăn, khéo chất vấn thì người ấy cũng đứng lặng thinh, như ông hôm nay vậy. Bay giơ, ben ho Tu-ma-kiet-aa, The Ton đã rong len tiêng rong sư tư roi liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Lúc ấy, đệ tử Phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ rằng: Ví như con bò bi cat đứt hai sừng, chạy vào trong chuông, khuyu xuông đất rồi rống to; thầy cũng như thế, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy mới ở trong chúng đệ tử rống tiếng sư tử. Ví như đàn bà mà muôn nói giọng đàn ông, khi cát tiêng lên ai cũng biêt là tiếng đàn bà; thầy cũng như thế, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy mới ở trong chúng đệ tử rống tiếng sư tử. Ví như dã can mà muốn kêu tiếng chồn, khi cất tiếng vẫn là tiếng dã can; thầy cũng như thế, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy mới ở trong chúng đệ tử rống tiếng sư tử. Bấy giờ, đệ tử Phạm hạnh của Xá-la-bộ đối trước Xá-la-bộ thốt ra những lời trách cứ, hủy báng như vậy rồi, liền rời chỗ ngôi mà bỏ đi. ***4 4 Nguyên tác: Thiện hướng là thể rút gọn của thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, đẳng hư(&g ()bậc hướng về nẻo lành (suppatipannci), hương ve chân chánh (ujuppatipannci), hương theo chân lý (ñāyappatipanna), hướng đen thích hợp (sāmīcippatipanna).

1056 KINH TẠPA-HÀM

971. NGOẠI ĐẠO THƯỢNG TỌA5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Thượng Tọa6 đang trú bên hồ Tu-ma-kiệt- đà7 trong thành Vương Xá. ở giữa đồ chúng của mình, ông tuyên bố: “Ta nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp lại thì ta sẽ theo vị ấy tu hành Phạm hạnh." Lúc đó? vào sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe có ngoại đạo xuất gia tên là Thượng Tọa trú bên hồ Tu-ma- kiệt-đà, ở giữa đồ chúng nói rằng: "Ta nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp lại thì ta sẽ theo vi ấy tu hành Phạm hạnh." Các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa sạch chân, đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay, Tỳ-kheo chúng con vào thành khất thực, nghe có tu sĩ ngoại đạo tên Thượng Tọa trú bên hồ Tu-ma-kiệt-đà, ở giữa đồ chúng nói rằng: "Ta nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp lại được thì ta sẽ theo vi ấy tu hành Phạm hnh." Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương xót mà đích thân đi đến chỗ người ấy! Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, đức Phật đi đến ben hồ Tu-ma-kiệt-đà. Tu sĩ ngoại đạo Thượng Tọa từ xa trông thấy Thế Tôn liền trải chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Thế Tôn ngồi xuống rồi nói với tu sĩ ngoại đạo Thượng Tọa: Có phải ông đã nói như vầy: "Ta nói một bài ke, nếu ai có thể đáp lại thì ta sẽ theo vị ấy tu hành Phạm hạnh" chăng? Bây giờ, ông hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo kia chất nhiều giường dây lên thành tòa cao rồi lên ngoi trên đó và nói kệ: Tỳ-kheo sống đúng pháp, Không quấy nhiễu chúng sanh, Tâm lặng, hành xả ly, Trì giới, thuận tĩnh lặng. Thế Tôn biết rõ tâm của ngoại đạo Thượng Tọa, liền nói kệ: /\ 9 Với bài kệ vừa nói, Ong có thê hướng theo,

Ta sẽ đối với ông, Xem như người thiện lành. Nhtrng xét lời ông nói, Nói, làm chẳng tương ưng, Tĩnh lặng, tự điều phục, Không quấy nhiễu chúng sanh.

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.971. 0250c09). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.205. 0450a23). 6 Nguy tác: Thượng (.,8 Tạp.(T.02. 0100.205. 0450ỒỒ29): Trùng Sào ().Theo từ nguyên và nội dung kinh, có thể đây là vị ngoại đạo thích ngồi trên tòa cao nên nhân đó được định danh. - 7 Xem chú thích 2, kinh số 970, quyển 35, tr. 1054; Tạp.(02. 0099.970. 0250al9).

Tâm hành lặng viễn ly, Người giữ gìn tịnh giới, Thuận điều phục, tĩnh lặng, Thân, miệng, ý lìa ác. Khéo nhiếp nơi trụ xứ, Không để cho buông lung, Đó gọi là tùy thuận, Điều phục và tĩnh lặng. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo Thượng Tọa nghĩ rằng: uSa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", ngay khi đó ông liền rời khỏi tòa cao, chắp tay bạch Phật: Nay con có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo chăng? Đức Phật bảo ngoại đạo Thượng Tọa: Nay ông có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Khi đó, ngoại đạo Thượng Tọa được xuất gia. Sau khi trở thành Tỳ-kheo rồi, vị ấy thường tư duy về mục đích của người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, có niềm tin chân chánh, rời khỏi gia đình, xuất gia học đạo... (cho đếrỉ) tâm hoàn toàn giải thoát,8 đắc quả A-la-hán. *** 972. BA CHÂN LÝ9 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông tu sĩ Bà-la-môn tru bên hồ Tu-ma-kiệt-đà? tụ tập lại một chỗ rồi bàn luận như vầy: "Dây là chân lý10 của Bà-la-môn? đây là chân lý của Blam6n." Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của các tu sĩ Bà-la-môn? Ngài liền đi đến bên hồ Tu-ma-kiệt-đà. Các tu sĩ Bà-la-môn từ xa trong thấy đức Phật đi tới, liền trải sàng tọa, thỉnh Phật an tọa. Đức Phật ngồi xuống xong, hỏi các tu sĩ Bà-la môn rang: Các ông tụ họp bên hồ Tu-ma-kiệt-đà này để bàn luận về điều gì?

Tu sĩ Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Các tu sĩ Bà-la-môn chúng tôi tụ họp nơi đây roi cùng bàn luận như vầy: “Bây là chân lý của Bà-la-môn? đây là chân lý của Bà-la-m6n.” Phật bảo các tu sĩ Bà-la-môn: Có ba chân lý của Bà-la-môn mà Ta tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác rồi diễn giảng cho người khác. Tu sĩ Bà-la-môn các ông nói rằng: “Kh6ng hại tất cả chúng sanh, đây là chân lý của Bà-la-môn, chẳng phải hư vọng.,, Thê

8 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.972. 0251 a20). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.206. 0450c05); A. 4.185 - IL 176. 10 Chân đế (,saccà): Chân lý, sự thật.

mà các ông lại nói với người khác rằng: "Tôi hơn”, hoặc nói "t6i b3ng”, hoặc nói "tôi kém.^, Đối với chân lý ấy mà không dính mắc, không chấp trước, đôi với tất cả thế gian thường biểu hiện lòng từ thì đây gọi là chân lý thứ nhát của Bà-la-môn mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác rồi diễn giảng cho người khác. Lại nữa,

Bà-la-môn nói như vầy: “Những pháp gì do sự tập khởi thì những pháp đó đều phải tiêu vong. Đây là chân lý, chẳng phải hư vọng,5... (cho đến) đối với chân lý ấy mà không dính mắc, không chấp trước, đối với tất cả thế gian thường quán sát sự sanh diệt thì đây gọi là chân lý thứ hai của Bà-la-môn. Lại nữa, Bà-la-môn nói như vầy: "Không có ngã ở bất cứ nơi đâu và ở bất cứ vật nào, hoàn toàn không có.11 Không có ngã ở bất cứ nơi đâu và ở bất cứ vật nào, hoàn toàn không có, đây là chân lý, chẳng phải hư vọng,\.. (nói như trên, cho đên) đôi với chân lý ây mà không dính măc? không châp trước, đôi với tát cả thế gian đều vô ngã như nhau thì đây gọi là chân lý thứ ba của Bà-la-môn mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác rồi diễn giảng cho người khác. Bấy giờ, các tu sĩ Bà-la-môn đều im lặng. Thế Tôn nghĩ rằng: "Hôm nay, Ta soi sáng sự mê mờ của họ, tiêu diệt sự tệ hại giúp họ? thê mà trong chúng Bà-la-môn này không có một người nào tự biêt suy xét, không có một ai muôn tạo nhân duyên đê tu hành Phạm hạnh ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm.^^ Biết như thế rồi, Thế Tôn liền rời khỏi tòa rồi ra đi. *** 973. NGOẠI ĐẠO CHIÊN-ĐÀ11 12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Tôn giả A-nan cũng ở trú xứ đó. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Chiên-đà13 đi đến chỗ Tôn giả A-nan, ân cân thăm hỏi nhau xong roi ngôi sang một bên và hỏi: -Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu hành Phạm hạnh? Tôn giả A-nan đáp: Vì muốn đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si nên tôi theo Sa-môn Cù- đàm xuất gia tu hành Phạm hạnh.

11 Nguyên tác: Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu.().Tham chiếu: 4 4.185
II. 176: Nāham kvacani kassaci kiñcanā tasmim na ca mama kvacani katthaci kiñcanā tatthi (Ta không là bát cứ ai, bát cứ thuộc ai, bất cứ là gì. Trong ấy, không có cái gì được gọi là của ta, bất cứ ở đâu, bất cứ là gì), HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.973. 0251Ò20). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 010Ò.207. Ò451all)7Í. 371 - L 215. 13 Chiên-đà (,Channa).

QUYỂN 35 1059

Chiên-đà lại hỏi: Sa-môn Cù-đàm có the nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si chăng?

Tôn giả A-nan đáp: -Tôi cũng có thê nói vê đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Chiên-đà lại hỏi: -Tôn giả thấy tham dục, sân hận và ngu si có tai hại gì mà lại nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si vậy? Tôn giả A-nan đáp: Nhiễm trước tham dục khiến tâm bi che lấp nên sẽ tự hại, hoặc hại người, hoặc hại cả hai; hiện đời mắc tội, đời sau mắc tội, hiện đời lẫn đời sau đều mắc tội; tâm thường lo âu, cảm thấy buồn khổ. Nếu bị sân hận che mờ, ngu si che mờ sẽ tự hại, hoặc hại người, hoặc hại cả hai... (cho đến) tâm thường lo âu, cảm thấy buồn khổ. Lại nữa, tham dục làm cho mê muội, làm cho mù quáng, làm cho vô trí, làm cho tuệ lực yêu kém, khiên bị chướng ngại, không được sáng su6t, không thể tỉnh giác, không hướng Niết-bàn. Sân hận, ngu si cũng lại như thế. Tôi thấy tham dục, sân hận, ngu si có những tai hại như thế nên nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Chiên-đà lại hỏi: -Tôn giả thấy đoạn tham dục, sân hận và ngu si có phước lợi gì mà nói về đoạn trừ các thứ này vậy? Tôn giả A-nan đáp: -Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả hai;

hiện đời không mắc tội, đời sau không mắc tội, hiện đời lẫn đời sau đêu không mác tội; tâm thường vui vẻ, cảm thây hạnh phúc. Sân hận, ngu si cũng lại như thế. Lại nữa, được sống trong pháp, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.14 Vì thấy có công đức và lợi ích như thế nên tôi nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Chiên-đà lại hỏi: Thưa Tôn giả A-nan! Có con đường nào, có phương pháp nào đe tu tập và tu tập thuần thục rồi thì có thể đoạn trừ tham dục? sân hận và ngu si chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định.

14 Nguyên tác: Ư hiện pháp trung, thường ly xí nhienjbat đãi thời tiết, hữu đắc dư hiện pháp, duyên tư giác tri laến ().Xem chú thích 59, kinh
sô 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.(T.02. 0099.550. o 143b 18).

Ngoại đạo Chiên-đà thưa với Tôn giả A-nan: Đây là con đường hiền thiện, đây là phương pháp hiền thiện, nếu tu tập và tu tập thuần thục rồi thì có thể đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Bấy giờ, ngoại đạo Chiên-đà nghe Tôn giả A-nan nói xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. *** 974. NGOẠI ĐẠO BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (l)15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì Xá-lợi-phất thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến Tôn giả hoan hỷ.16 Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến Tôn giả hoan hỷ rồi, đức Phật an trú tĩnh lăng. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy xong đã được hoan hỷ và tùy hỷ, liền lạy sát chân Phật rồi lui ra. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Bổ-lũ-đê-ca17 đang đi trên đường, bỗng gặp Tôn giả Xá-lợi-phất nên hỏi rằng: -Tôn giả từ đâu đến đây? Xá-lợi-phất đáp: Này Hỏa Chủng!18 Toi ở chỗ Thầy của tôi, nghe Đại sư thuyết giảng pháp và truyền dạy pháp xong rồi đến đây. Bổ-lũ-đê-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Đen nay Tôn giả cũng chưa dứt sữa, vẫn còn nghe thầy thuyết giảng pháp, truyền dạy pháp ư? Xá-lợi-phất đáp: -Này Hỏa Chủng! Tôi không dứt sữa, vẫn theo Đại sư nghe Ngài thuyết giảng pháp, truyền dạy pháp. Bổ-lũ-đê-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.974.0251c22). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.208. Ò451b09). 16 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú
thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tap B (T.02. 0099.92. 0023cl8). 17 Bổ-lũ-đê-ca (),có khả năng được dịch từ tên vị Bà-la-môn Puthuladdhika, từng xuất hiện trong Dīpavamsa. 1 Hỏa Chủng Aggivessana). Aggivessana là tên riêng của một dòng họ Bà-la-môii, vì tôn ương Bổ-lũ-đê-ca nên Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ dùng tên dòng họ mà không gọi bằng tên riêng (theo DPPN).

-Tôi đã dứt sữa từ lâu, không còn ở chỗ thầy của mình để nghe giảng dạy giáo pháp nữa. Xá-lợi-phất nói: -Pháp của ông là pháp và luật phi lý, mang tư tưởng tà vạy, chẳng phải là pháp giải thoát, chẳng phải là đạo giác ngộ, là pháp tổn hại, là pháp không đáng

tán thán, là pháp chẳng thể nương tựa. Lại nữa, vị thầy kia không phải là bậc Đang Chánh Giác. Cho nên, các ông hãy mau mau dứt sữa? rời xa giáo pháp của vi thầy ấy. Ví như bò mẹ hung dữ cuồng dại, lại còn ít sữa thì nghé con bú sữa ấy rất mau chán bỏ. Cũng vậy, đối với pháp và luật phi lý, mang tư tưởng tà vạy, chẳng phải là pháp giải thoát, chẳng phải đạo giác ngộ, là pháp tổn hại, là pháp không đáng tán thán, là pháp chẳng thể nương tựa và đối với vị thầy không phải là bậc Đẳng Chánh Giác thì hãy mau rời bỏ pháp mà vị thầy ấy truyền dạy. Pháp mà tôi đang có là Giáo pháp và Giới luật mang tư tưởng thiện lành, là pháp giải thoát, là đạo giác ngộ, là pháp không gây tổn hại, là pháp đáng để tán thán, là pháp đáng đe nương tựa. Lại nữa, Đại sư của tôi là bậc Đang Chánh Giác. Bởi thế lâu nay tôi vẫn uống sữa ấy, vẫn nghe và lãnh thọ Giáo pháp và Giới luật mà Ngài giảng giải, truyên dạy. Ví như bò mẹ không hung dữ cuồng dại, lại có nhiều sữa thì nghé con được bú sữa dài lâu và không hề chán ngán. Pháp của tôi cũng như thế, là pháp chân chánh... (cho đến) vẫn nghe và lãnh thọ giáo pháp mà Ngài giảng giải, truyền dạy. Khi ấy, Bổ-lũ-đê-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Các ông mau chóng có được lợi ích tốt đẹp ở trong Giáo pháp và Giới luật... (cho đến) vẫn nghe và lãnh thọ giáo pháp mà Ngài giảng giải, truyền dạy. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi theo đường mà đi. *** 975. NGOẠI ĐẠO BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2)19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên và bạch:

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.975.0252a22). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.209. 0451C11).

Thưa Cù-đàm! Hôm trước có số đông tu sĩ ngoại đạo Sa-môn? Bà-la-môn tập hợp tại giảng đường Vi Tằng Hữu rồi cùng nhau bàn luận như vầy: "Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như ngôi nhà trống, không thể ở giữa đại chúng kiên lập luận nghị: 'Điều này nên, điều này không nên; điều này hợp, điều này không hợp/ Như con bò mù chỉ lần theo bờ ruộng,20 không thể vào giữa đám ruộng. Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, không biết điều gì nên hay không nên và cũng không biết điều gì hợp hay không hợp." Đức Phật bảo Bổ-lũ-đê-ca: Những luận bàn của các ngoại đạo về những điều "nên hay không nên, hợp hay không hợp" ấy, đối với giáo pháp và giới luật của bậc Thánh chỉ như trò đùa của con trẻ. Ví như người già tám, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng mà còn chơi trò trẻ con, lấy đất bùn nhào nặn ra các hình thù giống như con . Y Y Y . . ..Y voi, con ngựa, đủ các hình loại. Mọi người đêu nói: "Già quá hóa trẻ!" Cũng vậy, này Hỏa Chủng! Các thứ luận thuyết về "nên chẳng nên, hợp chẳng hợp" ấy, đối với giáo pháp và giới luật của bậc Thánh chỉ như trò đùa của trẻ con, ở trong đó không có điều gì cần thiết để Tỳ-kheo phải nỗ lực cả. Bổ-lũ-đê-ca bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Những gì đáng cho Tỳ-kheo cần phải nỗ lực? Đức Phật bảo ngoại đạo: Những gì chưa thanh tinh thì khiến cho thanh tịnh, đây là điều Tỳ-kheo cần nỗ lực. Những gì chưa điều phục thì khiến được điều phục, đây là điều Tỳ- kheo cần nỗ lực. Những gì chưa định tĩnh thì khiến được thể nhập chánh định, đây là điều Tỳ-kheo cần nỗ lực. Những gì chưa giải

thoát thì khiến cho giải thoát, đây là điêu Tỳ-kheo cân nô lực. Những gì chưa đoạn trừ thì khiên cho đoạn trừ, những gì chưa biết thì khiến cho được biết, những gì chưa tu thì khiến cho tu tập, những gì chưa chứng đắc thì khiến cho chứng đắc. Đây là những điều Tỳ-kheo cần nỗ lực. Thế nào là chưa thanh tịnh thì khiến cho thanh tịnh? Nghĩa là giới chưa thanh tịnh thì khiến cho giới thanh tịnh. Thế nào là chưa điều phục thì khiến được điều phục? Nghĩa là các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý chưa được điều phục thì khiến cho được điều phục. Đó gọi là những gì chưa điều phục thì khiến cho được điều phục.

20 Nguyên tác: Manh ngưu thiên hành biên bạn().Xem thêm, D. 25, Udumbarika Sutta {Kinh ưu-đàm-bà-la sư tử hông)'. Seyyathāpi nāma gokānā pariyantacārinī antamantāneva sevati. (Giông như con bò một mắt, chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn một bên). Cú ngữ này được Tỳ-kheo Sujāto dịch là: He s just like the nilgai antelope,o circling around and lurking onthe periphery (Ong ta chỉ như con linh dương đâu bò, chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn ẩn nấp của nó). Tcm-da-na kỉnh (Zo l. 0001.8. 0047b 14): Giông như con bò chột mắt ăn cỏ, chỉ gặm một bên theo những gì nó thây(sin it 4^0

QUYỂN 35 1063

Thế nào là chưa định tĩnh thì khiến được thể nhập chánh định? Nghĩa là tâm chưa chánh định thì khiến cho được chánh định. Thế nào là chưa giải thoát thì khiến được giải thoát? Nghĩa là tâm chưa thoát khỏi tham dục, sân hận và ngu si thì khiến tâm được thoát khỏi chúng. Thế nào là chưa đoạn thì khiến được đoạn trừ? Nghĩa là vô minh và hữu ái nếu chưa đoạn thì khiến cho đoạn trừ. Thế nào là chưa biết thì khiến cho được biết? Nghĩa là đối với danh sắc nếu chưa biết thì khiến cho được biết. Thế nào là chưa tu thì khiến cho tu tập? Nghĩa là đối với chỉ và quán nếu chưa tu thì khiến cho tu tập. Thế nào là chưa chứng đắc khiến cho chứng đắc? Nghĩa là đối với Niết-bàn tối hậu nếu chưa chứng đắc thì khiến cho chứng đắc. Đây gọi là những điều Tỳ-kheo càn phải nỗ lực vậy. Bổ-lũ-đê-ca bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Điều lợi ích mà Tỳ-kheo cần nỗ lực, điều chắc chắn mà Tỳ-kheo cần nỗ lực, đó chính là đoạn tận phiền não vậy. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca nghe lời Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. *** 976. NGOẠI ĐẠO THI-BÀ21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tai Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Thi-bà22 đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Thế nào là học? Nói về pháp phải học?23 nên học những gì?

Đức Phật bảo Thi-bà: Học những gì cần học, đó gọi là học!

Thi-bà bạch Phật: Thưa Cù-đàm! cần học những điều gì?

Đức Phật bảo Thi-bà: Tùy thời mà học tăng thượng giới, tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ.

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.976. 0252b27). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100210. Ò452al8); A. 6 47 - III. 356. 22 Thi-bà (,Sīvaka). 23 Nguyên tác:

Học gi(sanditthika dhammā).

Thi-bà bạch Phật: Nếu Tỳ-kheo A-la-hán đã sạch các lậu, việc cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được lợi mình, đoạn sạch các phiền não, đầy đủ chánh trí và giải thoát hoàn toàn24 thì lúc ấy còn phải học gì nữa? Đức Phật bảo Thi-bà: -Nếu Tỳ-kheo A-la-hán đã sạch các lậu... (cho đến) đầy đủ chánh trí và giải thoát hoàn toàn thì ngay khi ấy biết rõ tham dục đã dứt sạch hoàn toàn, biết rõ sân hận và ngu si đã dứt sạch hoàn toàn, thế nên chẳng còn tạo các điều ác, thường làm những việc lành. Thi-bà! Đây gọi là học những điều nên học vậy. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Thi-bà nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra đi. *** 977. THI-BÀ THEO PHẬT XUẤT GIA25 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên Thi-bà đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong roi ngôi sang một bên và bạch: - Thưa Cù-đàm! Có Sa-môn? Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: “Con người có cảm thọ điều gì thì những cảm thọ đó đều do nhân đã tạo ra trong quá khứ. Nêu tu tập các kho hạnh sẽ khiến cho nghiệp quá khứ sạch hết, không tạo thêm nghiệp mới, dứt các nhân duyên, ở đời sau không còn các lậu nữa. Vì các lậu đã sạch nên nghiệp sạch, nghiệp sạch nên khổ hết, khổ hết nên được vượt thoát khổ dàu." Nay Cù-đàm chủ trương như thế nào? Đức Phật bảo Thi-bà: Sa-môn9 Bà-la-môn kia thật sự nói năng mơ hồ? chẳng hề suy xét5 vô số mê mờ, không khéo léo, không phân biệt. Vì sao như thế? Vì chúng sanh biết được rằng, có những nỗi khổ phát sanh vì gió, hoặc phát sanh vì đàm, hoặc phát sanh vì dãi, hoặc phát sanh các thứ cùng lúc, hoặc do mình tự hại, hoặc bị kẻ khác hại, hoặc do thời tiết khí hậu vậy. Tự hại nghĩa là hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng giơ tay, hoặc ngồi xổm trên đất, hoặc nằm nơi bụi bặm, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên tấm ván, hoặc nằm trên đất trét phân trâu, hoặc nằm trong vũng nước, hoặc mỗi ngày tắm ba lần, hoặc đứng co một chân, thân

24 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c20). 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.977. 0252cl2). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. o 100.2 ll.Ò452bO4); s. 36.21 - IV 230.

xoay theo mặt trời. Các việc khổ cực như thế mà họ lại cố gắng thực hành thì này Thi-bà, đó gọi là tự hại vậy. Bị kẻ khác hại nghĩa là bị người khác dùng tay, hoặc đá5 hoặc dao, hoặc gậy gây tổn hại thân mình. Đó gọi là bị kẻ khác hại vậy. Này Thi-bà! Bị thời tiết làm hại như mùa đông quá lạnh, mùa xuân quá nóng, mùa hạ vừa quá nóng vừa quá lạnh, đây gọi là thời tiết làm hại. Những điều này có thật ở thế gian, chẳng phải hư vọng. Này Thi-bà! Thế gian có những sự thật này, như bị gió làm hại... (cho đến) bị thời tiết khí hậu làm hại và chúng sanh cảm nhận như thật những điều đó. Ông cũng từng gặp những tai họa như vầy, hoặc bi gió, bị đàm, bị dãi... (cho đến) bi thời tiết làm hại và ông cũng cảm nhận như thật về những việc đó. Này Thi-bà! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: "Con người có cảm thọ điều gì thì những cảm thọ đó đều do

nhân đã tạo ra trong quá khứ*" thì họ đã bỏ qua những sự thật ở thế gian mà chạy theo cái thấy của mình rồi nói năng xằng bậy. Này Thi-bà! Có năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ. Là năm nhân, năm duyên nào? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc nên sanh tâm ưu khổ. Nhân sân hận, thụy miên, trạo hối, nghi ngờ trói buộc nên sanh tâm ưu khổ; duyên sân hận, thụy miên, trạo hối, nghi ngờ trói buộc nên sanh tâm ưu khổ. Đó gọi là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ vậy. Này Thi-bà! Có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Là năm nhân, năm duyên nào? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc nên sanh tâm ưu khổ, nếu xa lìa sự trói buộc của tham dục ấy thì chẳng khởi tâm ưu khổ... Đây gọi là năm nhân, năm duyên không khởi tâm ưu khổ, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.26 Này Thi-bà! Pháp thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu thì đó chính là biết rõ Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Lúc Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Thi-bà xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt mọi nghi ngờ, không nương nơi khác, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi, Thi-bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục rồi chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo chăng?

26 Nguyên tác: Hiện pháp đắc lự xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt hiện kiến, duyên tự giác tri (,).Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr. 610;
Tạp.(7.02. 0099.550. o 143b 18).

1066 KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật bảo Thi-bà: Nay ông được xuất gia... (nói như trên, cho đen) tâm hoàn toàn giải thoát,27 chứng quả A-la-hán. *** 978. NGOẠI ĐẠO THƯƠNG CHỦ28 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú trong vườn Hảo Y Am-la, tại thôn Na-la. Bấy giờ, ở thôn Na-la này có tu sĩ ngoại đạo tên là Thương Chủ, tuổi đã một trăm hai mươi, các căn suy yếu, được các trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ thôn Na-la tôn trọng cúng dường như đối với một bậc A-la-hán. Tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ trước đây có một người thân, sau khi lâm chung được sanh về cõi trời. Vị trời này nhìn thấy tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ, liền nghĩ rằng: “Ta muốn khuyên Thương Chủ đến chỗ đức Phật tu hành Phạm \ r r hạnh, nhưng e răng ông ây không nghe lời ta. Vậy nay ta nên đên đó dùng bài kệ29 giúp ông ấy thỉnh vấn vay.” Thế rồi, vị trời liền xuống thôn Na-la5 đến chỗ tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ y và nói kệ răng: Thế nào là bạn xấu, Mà hiện tướng bạn lành? Thế nào là bạn lành, Như mình đồng một thể? Làm sao cầu đoạn dứt? Lìa được sự đốt thiêu?
Thưa Tiên nhân, nếu ông đem bài kệ này thỉnh vấn các bậc thầy hiện nay, nếu ai có thể phân biệt, giảng giải ý nghĩa và đáp lại được thì ông có thể theo vi ấy xuất gia, tu hành Phạm hạnh. Khi ấy, ngoại đạo Thương Chủ vâng theo lời vị trời, đến chỗ ngài Phú-lan-na Ca-diếp rồi đem bài kệ này ra hỏi. Ngài Phú-lan-na Ca-diếp còn không thể hiểu được, huống gì là giải đáp. Ke đó, tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ lại đến chỗ của các ngài Mạt-ca-lê Cù- xá-lợi tử, San-xà-da Tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề tử và đem bài kệ này thỉnh vấn, nhưng các vị ây đêu

không thê giải đáp được. Khi đó, tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ nghĩ rằng: “Ta đã đem bài kệ này thỉnh vấn các bậc thầy xuất gia danh tiếng, nhưng không ai có thể giải đáp được, nay

11 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvỉmuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20). 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.978. 0253a26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.212. Ò452C17). 29 Nguyên tác: Ý luận (),“y luận ke”()hoặc 6tý luận tâm niêm”().Đưa ra một bài kệ đe hỏi, qua đó nham đánh giá tư tưởng của người giai đáp.

ta có nên cầu xuất gia nữa chăng? Ta có nhiều tiền của, phải chăng nên về nhà hưởng thụ năm due?" Rồi ông lại suy nghĩ: "Hay 1 ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù- đàm? Nhưng các bậc thày kỳ cựu, các Sa-môn9 các Bà-la-môn như ngài Phú- lan-na Ca-diếp... mà còn không thể giải đáp, huống chi Sa-môn Cù-đàm tuổi trẻ xuất gia thì làm sao có thể hiểu nổi? Tuy nhiên, ta nghe bậc tiên túc nói: 'Chớ khinh người trẻ tuổi xuất gia tân học, hoặc các Sa-môn trẻ tuổi xuất gia có oai đức lớn.5 Thôi thì nay ta thử đến chỗ Sa-môn Cíi-dam." Sau khi đến nơi, ông đem bài kệ này mà thỉnh vấn Thế Tôn, nội dung như kệ nói ở trên. Lúc ấy, Thế Tôn biết được tâm niệm của Thương Chủ, liền đáp kệ rằng: Thế nào là bạn xấu, Mà hiện tướng bạn lành? Trong lòng thật chán ghét, Mà miệng nói đồng lòng, Không vui làm việc chung, Biết đó là bạn xấu. Miệng nói lời thương yêu, Trong tâm không hẳn vậy, Việc làm chẳng chung cùng, Người trí cần nhận biết, Đó là người bạn xấu, Mà hiện tướng bạn lành, Cùng ta đồng một thể. Thế nào là bạn lành, Cùng ta đồng một thể? Là không như bạn xấu, Chẳng kềm chế, buông lung, Ôm nghi ngờ, bại hoại, Tìm sơ hở, duyên do. Đâu như người bạn lành, Như con trong lòng cha, Chẳng phải người xa lạ, Nên biết, đó bạn lành. Vì sao cầu đoạn dứt? Mong sanh chốn an vui, Mát mẻ, đáng ngợi khen, Tu tập quả phước lợi, Mãi tĩnh lặng, mát trong, Cho nên cầu đoạn dứt. Làm sao lìa thiêu đốt? Men vị thiền vang lăng, Biết đó vị xa lìa, Là lìa ngọn lửa dữ, Uống được vị pháp hỷ, Tịch diệt, lìa lửa dục, Đó là lìa thiêu đốt. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ nghĩ thầm: 66Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của minh", thế nên ông bạch Phật rằng: Nay con có thể vào trong Giáo pháp và Giới luật của Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh, xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo chăng? Đức Phật bảo ngoại đạo Thương Chủ: Nay ông được phép ở trong Giáo pháp và Giới luật tu hành Phạm hạnh, xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Sau khi ngoại đạo Thương Chủ đã xuất gia rồi, tư duy... (cho đến) tâm hoàn toàn giải thoát,30 đắc quả A-la-hán. *** 30 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(r.02. 0099.22. 0004c2Ò).

979. NGOẠI ĐẠO TU-BẠT-ĐÀ-LA31 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật nghỉ giữa hai cây sa-la, trong rừng Kiên cố532 trú xứ của dòng họ Lực Sĩ,33 thuộc nước Câu-di-na-kiệt.34 Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn. Ngài bảo Tôn giả A-nan: Thầy hãy trải giường dây giữa hai cây sa-la, đầu hướng về phía Bắc. Vào giữa đêm nay, Như

Lai sẽ nhập Vô dư Niết-bàn. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, sau khi trải giường dây giữa hai cây sa-la, đầu hướng về phía Bắc xong, lạy sát chân Phật rồi đứng qua một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Con đã trải giường dây giữa hai cây sa-la, đầu hướng về phía Bác roi. Thế Tôn liền đến bên cây sala, nằm trên giường dây, đầu quay về hướng Bắc, nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc niệm vào ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác. Bấy giờ, trong nước Câu-di-na-kiệt có tu sĩ ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la?35 tuổi đã một trăm hai mươi, các căn suy yếu, được người trong nước Câu-di-na- kiệt cung kính cúng dường như một bậc A-la-hán. Tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn giữa đêm nay sẽ nhập Vô dư Niết-bàn, liền nghĩ: "Ta có điều hoài nghi, hy vọng Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức để khai ngộ cho ta. Nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để thưa hỏi điều hoài nghi." Ngay khi ấy, Tu-bạt-đà-la liền ra khỏi thành Câu-di-na-kiệt5 đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang kinh hành ngoài cổng vườn, Tu-bạt-đà-la đi đến thưa với Tôn giả: -Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm vào giữa đêm nay sẽ nhập Vô dư Niết-bàn, tôi đang có điêu hoài nghi, hy vọng Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức đê khai ngộ giúp tôi. Phiền Tôn giả A-nan hãy vì tôi mà vào thưa với Sa-môn Cù-đàm9 xin dành chút ít thời gian để giải đáp nghi vấn giúp tôi.

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Top.7.02. 0099.979.0253c24. Tham chiếu: Biệt lạp.T.02. 0100.213. 0453bl8; Biêt Tạp.T.02. oioo.no. 0413a27; Du hành kinh roi. 0001.2. 0011a07; D. 16, Mahāparinibbāna Suita Kỉnh Đại Bát-niết-bàn. 32 Nguyên tác: Kiên cố song thọ lâm ,còn gọi là Sa-la lâm Sālavana: Rừng cây sa-la. Cây sa-la là một loài thực vật thân gỗ, có tên khoa hoe là Vatica Robusta hoặc Shorea Robusta, la một loại cây thiêng trong văn hóa An Độ. Theo Đại Bắt-nỉết-bàn kinh nghĩa 2 1764.1 JD617b 19, loài cây này mùa đông, mùa hạ đều không thay đổi nên gọi là rừng Kiên C6 ,.luý nhiên, theo Nhất thiết kinh âm nghĩa ,5 2128.23. 0451al2, Sa-la, Trung Hoa dịch là cao rộng, vì ròng Sa-la tươi tốt um tùm, cây mọc thẳng đứng, vượt hơn cảnhững khu rừng khác. Đời xưa dịch kiên cố là sai, bởi vì âm Sa-la Sāla cùng với âm Bà-la ,Bala có thức giọng nhau .Theo PED, bālā có nghĩa là sức mạnh, uy quyên, tương tự như nghĩa kiên cố. 33 Nguyên tác: Lực Si ±, Mallā: Trú xứ của bộ tộc Mạt-la ,Mallā. Người Mallā giỏi đấu vật nên Han dịch là Lực Si . 34 Câu-di-na-kiệt Kusinārā. 35 Tu-bạt-đà-la Subhadda.

Tôn giả A-nan đáp: Chớ làm phiền Thế Tôn! Ngài đang rất mệt. Tu-bạt-đà-la ba lần nài nỉ A-nan, Tôn giả vẫn ba phen từ chối. Tu-bạt-đà-la lại nói: -Tôi nghe các bậc Đại sư kỳ cựu nói rằng, lâu thật lâu mới có đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, như hoa Ưu-đàm-bát vậy. Trong đêm nay, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, thế nhưng đối với pháp, tôi vẫn còn có chỗ hoài nghi, với lòng thành kính, tôi mong rằng Sa-môn Cù-đàm đủ sức giúp tôi khai ngộ. Vậy phiền Tôn giả hãy giúp tôi mà thưa lại với Sa-môn Cù-đàm. Tôn giả A-nan lại đáp: Này Tu-bạt-đà-la! Chớ làm phiền Thế Tôn. Hôm nay, Ngài mệt lắm! Khi ấy, bằng thiên nhĩ, Thế Tôn nghe được những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la, liền bảo A-nan: Đừng ngăn tu sĩ ngoại đạo

Tu-bạt-đà-la! Hãy cho ông ấy vào thưa hỏi những điều còn hoài nghi. Vì sao như thế? Vì đây là lần sau cùng Ta luận nghị với tu sĩ ngoại đạo. Đây là vị "Thiện lai Tỳ-kheo5\ vi đệ tử cuối cùng được chứng quả, đó chính là Tu-bạt-đà-la. Bấy giờ, Tu-bạt-đà-la được Thế Tôn khai mở căn lành, vui mừng vô hạn, liền đến chỗ Thế Tôn ân cần thăm hỏi, ngồi sang một bên rồi bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Trong cõi đời này có sáu vị Tôn sư như Phú-lan-na Ca- diếp... mỗi người tự lập tông như vầy: "Đây là Sa-môn! Đây là Sa-môn!95 Thế nào, thưa Cù-đàm? Có thật là trong mỗi giáo phái của các vị ấy đều có tôn chỉ như thế chăng? Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Từ năm hai chín tuổi, Xuất gia tu thiện đạo, Thành đạo đến ngày nay, Trải hơn năm mươi năm. Tam-muoi? minh hạnh đủ, Thường tu tập tịnh giới, Lìa đây, mất đạo quả, Ngoài dây, không Sa-môn. Rồi Phật bảo Tu-bạt-đà-la: Trong Giáo pháp và Giới luật, người không thành tựu Thánh đạo tám chi thì cũng không chứng đắc quả Sa-môn thứ nhất, cũng không chứng quả Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư.36 Này Tu-bạt-đà-la! ở trong Pháp và Luật này, ai thành tựu Thánh đạo tám chi thì người đó chứng đắc quả Sa-môn thứ nhất, chứng quả Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Ngoài đây ra, ở nơi ngoại đạo không có Sa-môn? tức là các bậc thầy của các đạo giáo kia cũng chỉ là những Sa-môn, Bà-la-môn

36 Tức 4 quả Tu-d-ho^n ,Tư-đà-hàm ,A-na-hàm và A-la-hán
.

trống rỗng! Bởi thế, hôm nay ở giữa đại chúng Ta mới rống lên như tiếng rống của loài sư tử vậy. Lúc đức Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la xa lìa trần cấu? được pháp nhãn tịnh. Khi ấy, Tu-bạt-đà-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác mà khởi lòng tin, không nương nơi khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Khi ấy, Tu-bạt-đà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, gối phải quỳ sát đất, thưa với Tôn giả A-nan: Tôn giả đã được lợi ích tốt đẹp, Tôn giả có bậc Đại sư chân chánh, Tôn giả được làm đệ tử của bậc Đại sư ấy, được mưa pháp của Đại sư rưới lên đỉnh đầu. Ngày nay, nếu con được ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, cũng sẽ được lợi ích tốt đẹp như vậy. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nay xin ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la: Thiện lai Tỳ-kheo! Hãy đến đây tu hành Phạm hạnh.

Ngay lúc ây, Tôn giả Tu-bạt-đà-la liên được xuất gia, liên được thọ giới Cụ túc, liền trở thành Tỳ-kheo. Vị ấy tư duy như vầy... (cho đến) tâm hoàn toàn giải thoát,37 đắc quả A-la-hán. Khi Tôn giả Tu-bạt-đà-la đắc quả A-la-hán, biết rõ đã được an lạc, giải thoát rồi, liền suy nghĩ: "Ta không nỡ nhìn Phật nhập Niết-bàn, ta nay sẽ nhập diệt trước.^^ Nghĩ thế rồi, Tôn giả Tu-bạt-đà-la liền nhập diệt trước, sau đó Thế Tôn mới nhập Niết-bàn. *** 980. NIỆM TAM BẢO38 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Bạt-kỳ, rồi đến nước Tỳ-xá-ly và ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, ở nước Tỳ-xá-ly này có nhiều khách buôn đang chuẩn bi hành lý, sắp đi đến nước Đát-sát-thi-la.39 Nghe tin Thế Tôn du hành nhân gian từ nước

Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xa-ly, đang ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, các khách buôn này liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy5 đức Phật vì họ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến

31 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c2Ò). 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. T.()(r.O2. 0099.980. 0254c02). Tham chiếu: A. 8.34 -IV. 237. 39 Đát-sát-thi-la (Takkasilā), một quốc gia giàu có và cường thịnh ở phía Bắc Ấn Độ trong thời đức Phật. J

cho hoan hỷ.40 Sau khi đã thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến các khách buôn hoan hỷ rồi, đức Phật an trú tĩnh lặng. Khi ấy, các khách buôn từ chỗ ngồi đứng lên, chỉnh sửa y phục, cung kính đảnh lễ rồi chắp tay thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con là những khách buôn đang sửa soạn hành lý, sáp đi đến nước Đát-sát-thi-la. Cúi xin Thế Tôn cùng đại chúng sáng mai thọ nhận cúng dường của chúng con! The Ton im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lơi cầu thỉnh, liền đứng dậy đảnh lễ Phật, rồi mỗi người trở về nhà, sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống thơm ngon, tinh khiết, xếp đặt giường ghế, bày biện nước sạch. Sáng sớm hôm sau, họ sai người đến cung thỉnh: “Bạch Thế Tôn! Đã đến gi&!" Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng đắp y, ôm bát đến chỗ các khách buôn, rồi ngồi xuống ghế. Các khách buôn đem đồ ăn thức uống thơm ngon, thanh khiết tự tay dâng lên cúng dường. Sau khi đã ăn xong, rửa bát rồi, các khách buôn liền lấy ghế thấp ngồi xuống trước mặt đại chúng để nghe Phật thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các khách buôn: Các ông khi đi qua những nơi hoang vắng, nếu có những lo sợ đến nỗi kinh hãi rợn người, lúc ấy nên niệm Phật như vầy: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Niệm như thế rồi, mọi sự sợ hãi đều được tiêu trừ. Lại niệm Pháp như vầy: Giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.41 Lại niệm Tăng như vầy: Tăng là đệ tử của Thế Tôn, là bậc hướng về chân chánh, hướng theo chân lý... (cho đến) là ruộng phước thế gian. Niệm như thế rồi, mọi sự sợ hãi đều được tiêu trừ. Như ở thời quá khứ, mỗi khi trời và a-tu-la đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo các chúng trời rằng: "Trong lúc các ông chiến đấu với a-tu-la, nếu sanh khởi sợ hãi, hãy nhớ nghĩ đến ngọn cờ của ta, gọi là ngọn cờ che phục. Khi nhớ nghĩ đen ngọn cờ này, mọi sự sợ hãi đều được tiêu trừ. Nếu không nhớ nghĩ đến ngọn cờ của ta, hãy nhớ nghĩ đến ngọn cờ của thiên tử Y-xá-na. Nêu không nhớ nghĩ đen ngọn cờ của thiên tử Y-xá-na thì nên nhớ nghĩ đến ngọn cờ của thiên tử Bà-lưu- na. Khi nhớ nghĩ đến những ngọn cờ ấy thì mọi [sự] sợ hãi liền được tiêu trừ."

40 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099.92. 0023cl8). 41 Nguyên tác: Hiện pháp năng ly xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt thân cận, duyên tự giác tri („ j. Xem chu thích 59, kinh số 550, quyền 20, tr. 610; Tạp. (f.O2. 0099.550. 0143bl8).

Cũng vậy! Này các khách buôn! Các ông lúc đi qua nơi hoang vắng, nếu có nhiều điêu lo SỌT, hãy nên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Bấy giờ, Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly mà nói bài kệ tùy hỷ cúng dường như sau: Cúng dường Tỳ-kheo-tăng, Thức ăn, uống tùy thời, Chuyên niệm, chánh tư duy, Hành xả, theo chánh trí. Tịnh vật, ruộng phước tốt, Các ông đều đầy đủ, Nhờ công đức lợi này, Ngày đêm được an lạc. Khởi tâm mong cầu gì, Các lợi đều ứng ngay, Người, vật thảy an ổn9 Đường sá qua lại tốt. Đêm an, ngày cũng an, Xa lìa mọi điều ác, Như ruộng đất màu mỡ, Hạt giống tốt tinh thuần. Thường chăm sóc vun tưới, Thu hoạch không thể lường, Tịnh giới là ruộng phước, Hạt giống thật ngọt ngon. Cùng tùy thuận chánh hạnh, Trọn thành tựu diệu quả, The nen người bo thí, Muốn cầu đủ công đức. Hãy hành theo trí tuệ, Tự nhiên đủ các quả, Với bậc Minh Hạnh Túc, Chánh tâm, rất cung kính. Vun trồng các gốc lành, Trọn được phước lợi lớn, Biết như thật thế gian, Chánh kiến được đầy đủ. Chánh đạo thay vẹn toàn, Hoàn toàn được thăng tiến, Xa lìa mọi trân câu, Chóng đắc đạo Niết-bàn, Vượt thoát mọi khổ đau, Gọi là đủ công đức. Sau khi Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly mà thuyết Rháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho họ hoan hỷ rồi, Ngài rời khỏi chỗ ngồi rồi ra đi. *** 981. NGỌN CỜ CỦA ĐẾ-THÍCH42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Khi Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, bên cội cây, trong nhà trống, có lúc bỗng sợ hãi đến sởn lông tóc thì hãy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... (nói đầy đủ như trên). Khi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng thì mọi sự sợ hãi liền được tiêu trừ. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, khi đánh nhau với a-tu-la, Thích-đề-hoàn- nhân nói với các vị trời cõi Ba Mươi Ba rằng: "Này các Nhân giả! Trong khi

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.981. 0255a25). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.24.1. Ó615a09); 5. 11.2 - L 217

đánh nhau với a-tu-la? nếu sanh khởi sợ hãi đến sởn cả lông tóc, các vi nên nhớ nghĩ đen n^ọn cờ che phục quân địch của ta. Khi nhớ nghĩ đến ngọn cờ này, mọi sự sợ hãi đêu được tiêu trừ." Cũng vậy, Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, bên cội cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng sợ hãi đên sởn lông tóc, hãy niệm Phật như vầy: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đăng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Ton. Đang lúc niệm Phật như vậy, mọi sự sợ hãi liền được tiêu trừ. Vì sao như thế? Vì vua trời Đế-thích kia vẫn còn tham, sân, si; vẫn chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não; vẫn còn bị khủng hoảng, sợ hãi, bỏ chạy, tránh nạn, thế mà vẫn bảo các vị trời cõi Ba Mươi Ba nên nhớ nghĩ đến ngọn cờ chế phục quân địch của ông ấy. Huống gì đấng Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn đã xa lìa tham, sân, si; đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não; không bị khủng hoảng, sợ hãi hay trốn chạy, thế mà lại không the khiến người nghĩ tưởng đen Như Lai có the tiêu trừ hết mọi sự sợ hãi ư? Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

982. PHẬT DẠY XÁ-LỢI-PHẤT43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong rừng An-xà-na,44 tại nước Sa-chỉ.45 Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất: Ta có thể tóm lược hoặc giảng rộng giáo pháp, nhưng e ngại chúng sanh khó hiểu được pháp ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Cúi xin Thế Tôn hãy tóm lược giáo pháp, giảng rộng giáo pháp, như pháp mà thuyết, tất sẽ có người hiểu rõ pháp ấy! Khi ấy, đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu chúng sanh nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn46 thì ngay trong hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bi trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.982. 0255Ồ15). Tham chiếu: A. 3.33 - L 133. 44 An-xà-na (Añcanavana): Khu rừng nai ở thị trấn Sãketa, thuộc nước Kosala. 45 Sa-chỉ quốc (Sāketa). 46 Tham chiếu: s. 18.21 - II. 252: Katham nu kho bhantejānato katham passato imasmiñ ca saviñīanake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahañkāramamarnkārqmānāmisayā na honti (Bạch Thê Tôn, biêt như the nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?), HT. Thích Minh Châu dịch.

và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên ngay hiện đời Ta đã tự mình chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo kia đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lâm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên vị ấy ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Nếu lại có Tỳ-kheo nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lâm là ta, của ta và phiền não ngã mạn, Tỳ-kheo ấy ngay trong hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Nấu lại có Tỳ-kheo đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay trong hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên vị ấy ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Xá-lợi-phất! Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử5 tỏ ngộ về mạn,47 vượt thoát khổ đau. Xá-lợi-phất! về vấn đề này, Ta nói thêm như khi giải đáp câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca:48 Thế gian nhiều sai biệt, Mà an nhiên, bất động, Tịch tịnh, lìa các trân, Nhô sạch góc vô minh, Vượt qua biển sanh tử,49 Chẳng còn lo già, chết. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy đảnh lễ và lui ra. **** ^Nguyentac: Đoạn ái dục, chuyển khứ chư kiết,

chánhyô giàn đẳng, cứu cánh khổ biên ,JE.Chánh vô gián đăng là cách viết chưa đúng của "chi mạn vô gián đăng?,scmvnd mānābhisamayā. ơ đây, chỉ 1E có nghĩa là khiên cho ngưng nghỉ "ạn"chính là kiêu mạn, ngã mạn; “v6 gián"nghía là không bị trở ngại IWM và "dẳ?có lẽ được dịch của sammā, nghĩa là toàn diện, hoàn toàn. Do vậy, uchi mạn vô gián dng'sammā mānābhisamaya Ương thành cú này được dịch là diệt sạch ngã mạn. Tham chiêu toàn bộ thành cú này ở M. 2, Sabbãsava Sutta Kinh tất cả các lậu hoặc: Acchecchi tanham, vỉvattayi samyojanarn, sammā mãnãbhisamayã antamakãsi dukkhassa đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly kiết sử, đã chanh tri idêu mạn, đã diệt tận kho đau, HT. Thích Minh Châu dịch. . “ 48 Xem thêm Tạp.02. 0099.345. 0095bl0. 49 Nguyên tác: Tam hữu hải

QUYỂN 35 1075

983. TÔN GIẢA-NAN50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Tôn giả A-nan cũng ở tại vườn Cáp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả ở một mình nơi chỗ vắng, tư duy như vầy: "Nếu có người suy nghĩ như vầy: 'Ta đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên ngay hiện đời ta sẽ tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát ấy.”' Chiều hom ấy, sau khi xả thiền, Tôn giảA-nan đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng, tư duy như vầy: "Nếu có người suy nghĩ như vây: 'Ta đôi với thân có thức này và tát cả tướng trạng cảnh giới bên ngoài... (cho đến) tự thân chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát.'" Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Đúng the! Đúng the! Nếu có người suy nghĩ như vầy: "Ta đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát." Này A-nan! Vi Tỳ-kheo ấy đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự thân chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cung với tất cả tướng bên ngoài cho nên ngay hiện đời vị ấy tự mình chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này A-nan! Nếu lại có Tỳ-kheo đối với thân có thức này và tất cả tướng trạng cảnh giới bên ngoài... (cho đến) tự thân chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Đó gọi là Ty-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ vê mạn, vượt thoát khô đau.

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02.0099.983. 0255cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Í.8. 0495al9); j.3.33-L 133

1076 KINH TẠP A-HÀM

Này A-nan! về vấn đề này, Ta nói thêm như khi giải đáp câu hỏi của Ba-ladiên Uu-đà-gia:51 Đoạn dứt tưởng ái dục, ƯU, khổ đều xa lìa, Tỉnh giác khỏi ngủ nghỉ, Diệt trừ sự trạo hối. Bỏ tham, sân, thanh tinh, Quán sát pháp hiện tiền, Ta nói trí giải thoát, Diệt trừ màn vô minh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy liền hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra. *** 984. ÁI (l)52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. rẠ _ _ r — _ rr'l Ạ rT^ A _ _ _ L _ ___ 1 ÍT' 1 1_ _ _ Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nay Ta sẽ nói ái53 là tấm lưới, là keo dính, là dòng suối, là rễ sen. Những thứ này có thể khiến chúng sanh bị ngăn ngại, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, lấp kín, tối tăm, rối loạn như ruột chó, như cỏ rối, như tơ vò từ đời này sang đời khác, từ đời khác đen đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng. Này các Ty-kheo! Tại sao ái là tâm lưới, là keo dính... (cho đên) lưu chuyên qua lại, không lúc nào ngừng? Do vì có ngã nên mới có "tôi tồn tại", "tôi muốn như thế", "tôi đúng như thế", "tôi luôn hiện hữu", "tôi bị biến hoại", "tôi không như thế", "tôi sẽ tồn tại”"tôi sẽ không tồn tại", "t6i muốn phải như thế", "đúng ra tôi phải như thế", "đúng ra tôi không phải như "tôi mong sẽ như thế", "tôi mong sẽ đúng là như th§”, "tôi mong sẽ không đúng như thế", "tôi sẽ trở thành”, "tôi sẽ trở thành như thế", "tôi sẽ là cái này hoặc sẽ là cái khSc", "tôi sẽ không là cái này hoặc là cái khac?9 Đây là mười tám ái hành khởi lên từ bên trong.54

51 Xem thêm Tạp.(r.02. 0099.345. 0095b 10); Tạp.(T.02. 0099.982. 0255bl5); A. 3.32 -L 132. 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.984. 0256al7). Tham chiếu: A. 4.199 - II. 211. 53 Ái ,piyā). 54 Thập bát ái hành: Hữu ngã, dục ngã, nhĩ ngã, hữu ngã, vô ngã, dị ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhĩ thời, đương dị dị ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhĩ ngã, hoặc dị, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhĩ nhiên, hoặc w®, SẦỈỊề,,,,•: ,,ấ,,,;ẾM). Āam
chiêu: A. 4.199 - II. 211: "‘Ta comāf, thời có những ý nghĩ:4 la có mặt trongdời nàyJ; 4Ta có mặt như vāyJ; ẾTa có mặt khác như vay' 4Tạ không phải thường hang5; 4Ta là thường hằng5; 'Ta phải có mặt hay không?9; 'Ta phải có mặt trong đời này?9; 'Ta phải có mặt như vậy';Ta phải có mặt khác như vāy9; 'Mong rằng ta có mặf; 'Mong răng ta có mặt trong đòd này';4Mong răng ta có mặt như vāy9; 'Mong rằng ta có mặt khác như vāy?;4la sẽ có mặf; 'Ta sẽ có mặt trong đời này9;Ta sẽ có mặt như vay'; 'Ta sẽ có mặt khác như vay'. Có mưòd tám ái hành này liên hệ với nội tâm,, (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYÊN 35 1077

Ty-kheo! Do nói "c6 ng"nên với những thứ đang có mà nói "t6i muốn là như th”, "tôi đung là như (cho đến) mười tám ái hành từ bên ngoài khởi lên. Như vậy, tổng cộng có mười tám ái hành. Như vậy là có ba mươi sáu ái hành, hoặc khởi lên từ quá khứ, hoặc khởi lên ở tương lai, hoặc khởi lên ở hiện tại. Như thế, tổng cộng gồm một trăm lẻ tám ái hành. Đó chính là ái, là tấm lưới, là keo dính, là dòng suối, là rễ sen. Những thứ này có thê khiên chúng sanh bị ngăn ngại, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, lấp kín, tối tăm, rối loạn như ruột chó, như cỏ rối, như tơ vò, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng. Đức Phật nói kinh

này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 985. ÁI (2)55 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bay giơ, The Tôn bảo các Ty-kheo: Có khi từ ái sanh ái, hoặc từ ái sanh giận, hoặc từ giận sanh ái, hoặc từ giận sanh giận. Thê nào là từ ái sanh ái? Có người phát sanh tình cảm ưa thích, thương mên, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này56 cũng được người khác phát sanh tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòn^. Do liên hệ này,57 người đầu tiên suy nghĩ: "Ta có tình cảm ưa thích, thương mên, nhớ nghĩ, hài lòng với người này. Người khác cũng có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghi, hài lòng với người này. Vì vậy, ta đối với người khác ấy lại sanh yêu mến." Đây gọi là từ ái sanh ái.58 Thế nào là từ ái sanh giận? Có người phát sanh tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này lại không được người khác ưa thích, thương mến, nhớ nghi, hài lòng. Do liên hệ này, người đầu tiên suy nghĩ: “Ta có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với người này, nhưng người khác lại không ưa thích, thương mến, nhớ nghi, hài lòng với người này. Vì vậy, ta khởi lên giận hờn với người khác ấy." Đây gọi là từ ái sanh giận.

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.985. 0256ỒỒ8). Tham chiếu: A. 4.200 - II. 213. 56 Nguyên tác: Bỉ ().Đe văn phong ừôi chảy nên đã thay thế về ngôi, thứ cho vài đại từ nhân xưng ở bản kinh này. 57 Nguyên tác: Tùy hành (). 58 Biểu đạt tóm tắt cho quan hệ trên là: Người thứ nhất thương người thứ hai. Người thứ hai được người thứ ba thương. Sau đó, người thứ nhất lại thương luôn cả người thứ ba này. Các trường hợp thương-giận về sau cũng tương tự như vậy. Tâm lý học hiện đại gọi trương hợp này là "quy luật lay lan.59

Thế nào là từ giận sanh ái? Có người không có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này lại bị người khác không ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng. Do liên hệ này, người đầu tiên sẽ sanh tình cảm ưa thích với người khác ấy.59 Đây gọi là từ giận sanh ái vậy. Thế nào là từ giận sanh giận? Có người không có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này lại được người khác ưa thích, thương mên, nhớ nghĩ, hài lòng. Do liên hệ này, người đâu tiên suy nghĩ: “Ta không ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng người này, nhưng mà người này lại được người khác ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng. Vì lẽ đó nên đối với người khác ấy ta khởi lên giận hờn.,, Đây gọi là từ giận sanh giận vậy. Nêu Tỳ-kheo ly dục, ly bát thiện pháp, có giác có quán... (cho đền) an trú trọn vẹn Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư thì khi ấy, từ ái sanh ái, từ giận sanh giận, từ giận sanh ái, từ ái sanh giận, tất cả đều đã đoạn, đã biết, đoạn tuyệt gốc rễ của chúng như chặt đứt ngọn cây đa-la9 không thể mọc lại, ở đời tương lai trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo sạch hết các hữu lậu, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện đời tự biết, tự chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh" thi chính ngay lúc ấy không bị lôi cuốn, không kháng cự, không tung bụi, không đốt cháy, không hiềm người.60 Thế nào là bi lôi cuốn? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc trong ngã, ngã trong

sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bi lôi cuốn. Thế nào là không bị lôi cuốn? Không thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc trong ngã, ngã trong sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị lôi cuốn. Thế nào là kháng cự? Đối với người mắng chửi thì mắng chửi lại, đối với người sân hận thì sân hận lại, đối với người đánh đuổi thì đánh đuổi lại, đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là kháng cự. Thế nào là không kháng cự? Đối với người mắng chửi thì không mắng chửi lại, đối với người sân hận thì không sân hận lại, đối với người đánh đuổi thì không đánh đuổi lại, đối với người xúc phạm thì không xúc phạm lại. Đó gọi là không kháng cự. Thế nào là tung bụi? Có ngã, ngã dục cho đến mười tám loại ái hành. Đây gọi là tung bụi.

59 Tức là sanh tình cảm đối với những ai không ưa người mà mình không ưa (thương kẻ thù của kẻ thù). tự cử, bất hoàn cử, bất khởi trần, bất xí nhiên, bất hiềm bỉ (,).Tham chiêu: A. 4.200 - II. 213: Neva usseneti napatisseneti na
dhūpāyati napajjalati na sampajjhāyati (Không bị lôi cuốn, không bị kháng cự, không bị xông khói, không bốc cháy, không khô can). "

r ,

Thê nào là không tung bụi? Không có ngã, không có ngã dục cho đên mười tám loại ái hành không khởi. Đây gọi là không tung bụi. Thế nào là đốt cháy? Có ngã sở, ngã sở dục cho đến mười tám loại ái hành bên ngoài. Đây gọi là đốt cháy. Thế nào là không đốt cháy? Không có ngã sở, không có ngã sở dục cho đến không có mười tám loại ái hành bên ngoài. Đây gọi là không đốt cháy. Thế nào gọi là hiềm người? Thấy ngã là chân thật, đối với ngã dục, ngã mạn, ngã sử không đoạn, không biết. Đây gọi là hiềm người. Thế nào là không hiềm người? Không thấy ngã là chan thật, đối với ngã dục, ngã mạn, ngã sử đã đoạn, đã biết. Đây gọi là không hiềm người. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 986. HAI ĐIỀU KHÓ TỪ Bỏ61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xa-ve* Bây giờ, Thê Ton bảo các Tỳ-kheo: Có hai điều từ bỏ rất khó để duy trì. Những gì là hai? Đối với đời sống của người thế tục hay đời sống phi nhân mà duy trì sự từ bỏ những nhu cầu đời sông như cơm ăn? áo mặc, giường năm là việc khó làm. Lại nữa, Tỳ-kheo rời nhà xuất gia, phải từ bỏ tham ái, nhưng để duy trì được những từ bỏ ấy cũng là việc khó làm. Bây giơ, The Ton liên noi kê: Thế gian có hai việc, Khó thực hành từ bỏ? Đó là lời chân thật, Đẳng Chánh Giác đã biết. Tại gia, tiền thu chi, Cơm áo, mọi vật dụng, The gian ưa tham ái, Từ bỏ? việc khó lam. Tỳ-kheo đã lìa tục, Với chánh tín xuất gia, Diệt trừ tâm tham ái, Đoạn dứt hãy còn xa. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.986. 0256c27).

987. BIẾT ĐỦ VÀ TỪ Bỏ62 Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Ta phân nhiêu sông nương tựa nơi hai pháp. Là hai pháp nào? Đôi với các pháp thiện, Ta chưa

từng biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác thì Ta chưa từng từ bỏ. Vì đối với pháp thiện không biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác chưa từng từ bỏ? thế nên dù cho da thịt teo tóp, gân noi xương khô, Ta vẫn không từ bỏ, cố gắng siêng năng, không bỏ pháp thiện, điều nào không đạt hoặc chưa đạt thì không hề dừng nghí, chưa từng đối với tâm thức thấp kém mà sanh khởi vui mừng, thường thích tăng tiến, vượt lên đạo cả. Nhờ an trụ tinh tấn như vậy cho nên nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.63 Này các Tỳ-kheo! Hãy sống nương tựa nhiều nơi hai pháp. Đối với các pháp thiện không nên sanh ý tưởng thỏa mãn và thường nương theo sự đoạn trừ pháp ác, đừng bao giờ từ bỏ, dù cho da thịt teo tóp, gân nổi xương khô, nhưng vẫn cứ siêng năng nỗ lực, nhẫn nại tu tập pháp thiện không ngừng. Thế nên, Tỳ-kheo! Đối với các điều thấp kém thì chớ64 sanh ý tưởng hoan hỷ, nên trụ nhiều vào sự tu tập, ngày càng tăng tiến. Tu tập như vậy, chẳng bao lâu sẽ nhanh chóng dứt sạch các lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, hiện đời tư biết, tự chứng: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

988. ĐẾ-THÍCH (l)65 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân66 với hình sắc tuyệt diệu, cuối đêm đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Với oai lực của thân trời, ánh sáng từ vị ấy chiếu sáng khắp cả Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân thưa:

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.987. 0257all). 63 Nguyên tác: A-nậu-đa-laTam-miệu-tam-bồ-đề (.Anuttararn sammāsambodhiin). 64 Nguyen tác thiếu phủ định từ. Ngài Ẩn Thuận bổ sung chữ "vát"()trong Tạp A-hàrn kinh luân hội biên (y.32. 0030.7. 0695a01). Bản dịch dựa theo quan điểm cúa ngài Ấn Thuận. 65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.988. 0257a28). Tham chiêu: Tạp. a (T.02. 0099.506. 0134a07); Tăng. īf (T.02. 0125.36.5. 0703b13); s. 40.10-IV. 269. 66 Thích-đề-hoàn-nhân (Sakkā devānam Inda).

QUYỂN 35 1081

Bạch Thế Tôn! Ngài từng ở trong hang đá núi Cách Giới có nói rằng: "Nêu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vô thượng ái tận, được giải thoát, tâm hoàn toàn giải thoát67 thì vị ấy đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cíing." Thế nào là Tỳ-kheo đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cùng? Đức Phật bảo Đế-thích: Tỳ-kheo khi cảm nhận về các thọ, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc thì biết đúng như thật về sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vi ngọt của thọ, sự tai hại của thọ và sự xuất ly thọ. Biết đúng như thật rồi thì đối với thọ kia quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả. Đã quán sát như thế rồi thì đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cùng. Này Câu-thi-ca! Đây gọi là Tỳ-kheo ở trong Giáo pháp và Giới luật đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cùng. Đế-thích nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 989. ĐÉ-THÍCH (2)68 Tôi

nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật, cuối đêm thức dậy kinh hành, trông thấy ánh sáng chiếu khắp Vườn Trúc Ca-lan-đà. Thấy rồi Tôn giả liền nghĩ rằng: "Đêm nay ắt có quỷ thần đại lực nào đó đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này." Sáng sớm hôm đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Đêm qua lúc trời gần rạng sáng, con ra khỏi phòng đi kinh hành, trông thấy ánh sáng thù thắng chiếu khắp Vườn Trúc Ca-lan-đà. Thấy rồi con nghĩ: “Chắc có quỷ thần đại lực nào đó đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này?5 Đức Phật bảo Đại Mục-kiền-liên: Cuối đêm qua, Thích-đề-hoàn-nhân có đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên... (Nói đầy đủ như kinh trên, cho đến) liền hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 67 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttă). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c2Ò). 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.989. 0257b15). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.506. 0Ì34a07); Tăng.(r.02. 0125.36.5. 0703Ồ13); s, 40.10 IV. 269.

990. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ (l)69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, vào sáng sớm, Tôn giảA-nan đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ tuân tự khất thực, lần hồi đến nhà iru-bà-di Lộc Trụ,70 Từ xa ừông thây Tôn giả A-nan, ưu-bà-di Lộc Trụ vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó5 ưu-bà-di Lộc Trụ lạy sát chân Tôn giả rồi đứng sang một bên và thưa với A-nan rằng: Cha của con là Phú-lan-na71 trước kia tu Phạm hạnh, lìa dục, thanh tịnh, không đắm trước hương hoa, xa lìa những thứ thô tục. Còn chú của con là Lê- sư-đạt-đa72 không tu Phạm hạnh, nhimg ông sống biết đủ. Cả hai đều đã qua đời và được Thế Tôn xác quyết rằng cả hai người cùng sanh một nơi, thọ sanh như nhau, đời sau cting đắc quả Tư-đà-hàm5 được sanh về cõi trời Bâusuất, chỉ còn một lần trở lại thê gian rồi sẽ vượt thoát khổ đau. Vậy thì làm sao nói Thế Tôn biết pháp? Thưa Tôn giả A-nan! Tại sao người tu Phạm hạnh và người không tu Phạm hạnh lại cùng sanh một nơi, thọ sanh như nhau và đời sau cũng giống nhau được? Tôn giả A-nan đáp: Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được căn tánh sai biệt của chúng sanh trong thế gian, nhưng Như Lai biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Nói xong, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Sau đó, Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa sạch chân, đến chỗ Phật lạy sát chân Ngài rồi ngồi một bên và đem những lời của iru-bà-di Lộc Trụ trình len The Ton. Phật bảo A-nan: Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. A-nan! Như Lai đã biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thê gian. Này A-nan! Hoặc có người phạm giới, người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật và lỗi từng phạm giới của người áy đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gi, dục hết sạch hoàn toàn. Hoặc có người phạm giới, người kia đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biêt như thật và lôi phạm giới của người kia cũng đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gì, dục hết sạch hoàn toàn.

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.990. 0257Ồ26). Tham chiếu: Tạp.(7.02.
0099.991. 0258a27); Í4.6.44 - III. 347; A. 10.75 - v. 137.

70 Lộc Trụ (,Migasālā).

71 Phú-lan-na (Purāna).

72 Lê-sư-đạt-đa (,Isidatta).

Đôi với hai người đó, có người nhận định như vây: "Nguồi này có điêu như vậy, người kia cũng có điều như vậy, thế thì họ phải cùng sanh một chỗ, thọ sanh như nhau và đời sau cũng giống nhau." Người nào nhận đinh như thế sẽ mãi khổ sở và không được lợi ích. Này A-nan! Nêu người phạm giới mà đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật và lỗi từng phạm giới ấy đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gì, dục hết sạch hoàn toàn, nên biết người này thoái chuyển, chẳng phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thoái chuyển. A-nan! Nêu người phạm giới mà đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biêt như thật và lỗi từng phạm giới ấy đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gi, dục hết sạch hoàn toàn, nên biết người này thăng tiến, không thoái chuyển, Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nêu chăng phải Như Lai thì ai có thê biêt rõ khoảng cách giữa hai người ấy? Vì thế, này A-nan! Chớ nên đánh giá người này người kia mà chuốc lấy phiền, chớ nên đánh giá người này người kia mà rước lấy bệnh, chớ nên đánh giá người này người kia mà tự chiêu lấy tai họa. Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết rõ con người mà thôi. Như với hai người phạm giới, với hai người trì giới cũng như vậy. Người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật và sự từng trì giới ấy đã diệt không còn sót... Hoặc với người trạo cử, người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biêt như thật và sự trạo cử từng khởi ây đã diệt không còn sót... Hoặc vơi người san nạn, người áy đoi vơi tam giai thoát, tuệ giai thoát không biết như thật và sự sân hận từng khởi ấy đã diệt không còn sót... Hoặc với người rất tham, người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biết như thật và sự rất tham từng khởi ấy đã diệt hết không còn sót... Ô nhiễm, thanh tịnh... (cũng nói như trên, cho đến)... Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết rõ con người mà thôi. Này A-nan! Ưu-bà-di Lộc Trụ mê mờ kém trí. Như Lai thuyết pháp nhất hướng mà tâm cô ta còn sanh hoài nghi. Thế nào, A-nan? Như Lai có thuyết pháp hai hướng không? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn! Không có. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: -Lành thay! Lành thay! Như Lai thuyêt pháp hai hướng, đó là điêu không thể xảy ra. Này A-nan! Giả sử Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng trì giới, nhưng với nơi sẽ thọ sanh về thì Phú-lan-na không thể biết được Lê-sư-đạt-đa sẽ sanh về nơi nào, thọ sanh như thế nào, đời sau như thế nào.

Giả sử Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ, Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ, nhưng Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết được Phú-lan-na sẽ sanh về nơi nào, thọ sanh như thế nào, đời sau như thế nào. Này A-nan ! Giả sử Phú-lan-na trì giới hơn, Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, hai người đều qua đời, Ta nói hai người ấy cùng sanh một nơi, thọ sanh như nhau, đời sau cũng đều đắc quả Tư-đà-hàm, sanh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần trở

lại nơi này roi sẽ vượt thoát khô đau. Sự sai biệt giữa hai người này, nếu chẳng phải Như Lai, ai có thể biết được? Vì thế, A-nan! Chớ nên so sánh người này người kia. Nêu cứ so sánh người này người kia như thế thì chỉ tự gây ra tổn hại. Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết rõ con người mà thôi. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

991. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ 73 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật an cư mùa mưa tại ấp Lưu-lợi, trong thành Di của họ Thích. Bấy giờ, có Tỳ-kheo an cư mùa mưa tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ- đà, thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo kia đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực rồi lần lượt đi đến nhà ưu-bà-di Lộc Trụ. Từ xa trông thấy Tỳ"kheo đi đến, ưu-bà-di Lộc Trụ vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tỳ-kheo ngoi... (nói đay đủ như kỉnh 990 ở trêrì). Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói với ưu-bà-di Lộc Trụ Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được can tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Nói như vậy xong, Tỳ-kheo liền đứng dậy ra về. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia an cư ba tháng mùa mưa đã mãn, y cũng may xong, liền đắp y, ôm bát đi đến ấp Lưu- lợi, thành Di của họ Thích. Đen nơi, Tỳ-kheo cất y bát, rửa chân xong, liền đi đen chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và đem những điều đàm luận giữa mình với ưu-bà-di Lộc Trụ trình lên Thế Tôn. Phật bảo Tỳ-kheo: Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian mà thôi.

73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.991. 0258a27). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.990. 0257b26); A. 6.44 -III. 347; A. 10.75 - v. 137.

QUYỂN 35 1085

z = . v 9 Đôi với những người chăng lìa sân hận, kiêu mạn, khi pháp tham khởi lên, không lắng nghe và tiếp nhận giáo pháp, không học hỏi đa văn, đối với pháp không điều phục kiến chấp nên thường không thể khởi tâm giải thoát. Này Tỳ-kheo! Nếu lại có người cũng không lìa sân hận, kiêu mạn, nhung khi pháp tham khởi lên, người ấy chiu nghe pháp, tu học đa văn, khéo điều phục kiến chấp đối với pháp nên thường có thể khởi tâm giải thoát. Từ việc ấy mà suy xét: "Người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy, nhất định họ sẽ cùng đi đen một chỗ, cùng thọ sanh như nhau và đời sau cũng giống nhau." Với suy lường như vậy nên người này không thấu đạt nghĩa lý, không được lợi ích, mãi mãi chịu khổ. Như vậy, này Tỳ-kheo! Đối với người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không tiếp nhận giáo pháp, không tu học đa văn, đối với pháp không điêu phục kiên châp nên không thê đạt được tâm giải thoát, Ta nói người này là kẻ kém cỏi, thấp hèn. Và này Tỳ-kheo! Còn với người tuy không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhimg người ấy chiu nghe pháp, thích tu học đa văn, khéo điều phục kiên châp nên thường đạt được tâm giải thoát, Ta nói người này là thăng diệu bậc nhất. Giữa hai người này, nếu chẳng phải là Như Lai thì ai có thể phân biệt và biết rõ được? Thế nên, này Tỳ-kheo! Chớ nên so sánh người này với người kia... (cho đến) chỉ có Như Lai mới có thể biết căn tánh hơn kém của chúng sanh. Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nếu lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham,

miệng thường nói lời ác... (còn lại như kỉnh so 990 đã nói). Lại nữa, nếu có người hiền thiện, an vui, thích thân cận sống chung với người tu Phạm hạnh có trí tuệ, nhưng người kia chẳng thích nghe pháp... (cho đếrì) không thể đạt được tâm giải thoát nên biết người này chỉ trụ nơi đất hiền thiện, nhưng không thể thăng tiến. Đất hiền thiện là chỉ cho cõi trời, cõi người. Lại nữa, có người căn tánh hiền thiện, sống chung với mọi người rất an vui, thích kết bạn với người tu Phạm hạnh, ưa nghe Chánh pháp, học tập đa văn, khéo điều phục kiến chấp nên thường đạt được tâm giải thoát. Nên biết người này ở chỗ hiền thiện và có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng Chánh pháp. Giữa hai người này, nếu chẳng phải là Như Lai thì ai có thể phân biệt, biết rõ được? Thế nên, Tỳ-kheo! Chớ nên so sánh người này với người kia. Nêu so sánh người này với người kia sẽ chuốc lấy tai họa, vì chỉ có Như Lai mới có the biết rõ căn tánh của con người trong thế gian mà thôi. Này Tỳ-kheo! Ưu-bà-di Lộc Trụ vì ít học, thiếu hiểu biết... (nói đầy đủ như kỉnh sổ 990 ở trên).

1086 KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

992. HAI LOẠI RUỘNG PHƯỚC74

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

Kính bạch Thế Tôn, thế gian có bao nhiêu loại ruộng phước?

Phật bảo trưởng giả:

Thê gian có hai loại ruộng phước. Là hai loại nào? Đó là Hữu học và
Vô học.

Rồi đức Phật nói bài kệ:

Đại hội thường kính thỉnh, Học, Vô học ở đời,
Tâm ngay thẳng chân thật, Thân và miệng cũng thế,
Đây là ruộng phước tốt, Cúng dường được quả lớn.

Đức Phật nói kinh này xong, trưởng giả cấp Cô Độc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.75

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap.Ji 0.02. 0099.992. 0258cll. Tham chiếu: Tdig.(r02. 0125.42.8. 0755a07); Phươc điền kinh (T.01. 0026.127. 0616a05); A. 2.35 - L 62. 75 Bản Hán, hết quyển 35.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.